

# CÔNG TY TNHH TRANS PACIFIC GLOBAL (HÀ NỘI)

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRANS PACIFIC GLOBAL (HÀ NỘI)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANS PACIFIC GLOBAL (HA NOI) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TPG CORP (HANOI)

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108593757

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà TTC, Số 19 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý tàu biển;<br>- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;<br>- Hoạt động vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;<br>- Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá liên quan đến vận tải; | 5229(Chính) |
| 3.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5022        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5222        |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế;<br>- Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224        |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                                                                     | 4649 |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển                                                                                                                                    | 7730 |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                               | 7710 |
| 14. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động<br>vật sống                                                                                                                                            | 4620 |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                   | 4632 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                              | 4663 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);<br><br>- Bán buôn nguyên phụ liệu ngành nhựa;<br>- Bán buôn sản phẩm nhựa các loại; | 4669 |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                             | 7320 |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 20. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                     | 4633 |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sắt, thép;<br>- Bán buôn kim loại khác (trừ vàng miếng);                                                                                              | 4662 |
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                    | 6619 |
| 23. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải biển;                                                                                                                                      | 5012 |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                              | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên                       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TRANS PACIFIC GLOBAL | Số 1 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                                             | 1.000.000.000         | 50,000    | 0312153097                                                                                                                                        |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ GIANG                     | Căn hộ số 3B, Tầng 11, Nhà A, Chung cư 17 tầng, Tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 001180008034                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ GIANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/06/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001180008034

Ngày cấp: 03/09/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ số 3B, Tầng 11, Nhà A, Chung cư 17 tầng, Tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 3B, Tầng 11, Nhà A, Chung cư 17 tầng, Tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội